

Trung Quốc ban hành Yêu cầu kỹ thuật đối với các sản phẩm có vật liệu dệt

Trung Quốc là một trong những thị trường xuất khẩu hàng hóa quan trọng nhất của Việt Nam. Với dân số hơn 1,4 tỷ người và nhu cầu tiêu dùng lớn, thị trường này mang lại cơ hội với nhiều ngành hàng xuất khẩu.

Tuy nhiên, với nỗ lực nâng cao chất lượng và an toàn sản phẩm, Trung Quốc đang tăng cường công tác quản lý, giám sát đối với hàng hóa bằng cách không ngừng hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật, xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia để đảm bảo chất lượng hàng hóa sản xuất trong nước và nhập khẩu nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, ngăn chặn gian lận thương mại.

Mới đây, Trung Quốc đã chính thức ban hành tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc GB 18383-2025 về "Yêu cầu kỹ thuật chung đối với các sản phẩm có chứa vật liệu dệt". Tiêu chuẩn này thay thế hoàn toàn phiên bản cũ (GB 18383-2007) và đã chính thức có hiệu lực từ ngày 01/07/2026. Tiêu chuẩn này chỉ tập trung vào các sản phẩm sử dụng hàng ngày, tức là những sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với cơ thể người trong cuộc sống thường nhật. Các sản phẩm sử dụng hàng ngày bao gồm: quần áo có đệm, giày dép có đế hoặc phần trên có đệm, phụ kiện có ruột nhồi bông, chăn ga gối đệm, đồ nội thất bọc vải và đồ chơi nhồi bông. Do đó, tiêu chuẩn có tác động đến các doanh nghiệp Việt Nam đang xuất khẩu các mặt hàng dệt may, da giày và nội thất có chứa bông, sợi, lông vũ sang thị trường này Trung Quốc. Việc không tuân thủ sẽ dẫn đến nguy cơ bị tịch thu, tiêu hủy hàng hóa và phạt tiền lên đến 3 lần giá trị lô hàng.

Hiện nay, nhiều nhóm sản phẩm có vật liệu dệt của Việt Nam chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc, đặc biệt là nhóm sản phẩm giày dép, quần áo, mũ... Trong đó, nhóm sản phẩm mã HS 621210 chiếm tỷ trọng tới 69,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc quý 1/2026; nhóm sản phẩm mã HS 6402 chiếm tỷ trọng 59,2%; nhóm sản phẩm mã HS 6404 chiếm tỷ trọng 53,5%... Các nhóm sản phẩm giày dép, quần áo khác hầu hết đều chiếm tỷ trọng trên 15%. Do vậy có thể thấy nhiều mặt hàng dệt may, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc sẽ chịu tác động của quy định này trong thời gian tới.

Với nhóm sản phẩm đồ nội thất bọc nệm như ghế khung gỗ bọc nệm, ghế bọc nệm khung kim loại và các loại nệm, tỷ trọng hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc vẫn ở mức thấp, chỉ chiếm tỷ trọng từ 1,8 – 5,7%. Do đó, mức độ tác động của quy định này với ngành sản xuất sản phẩm nội thất chưa cao.

**Thị phần một số mặt hàng xuất khẩu có vật liệu độn của Việt Nam
trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc trong quý 1/2026**

Mã HS	Mô tả	Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Trung Quốc		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		Kim ngạch (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Kim ngạch (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Quý 1/2025 (%)	Quý 1/2026 (%)
6404	Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng vật liệu dệt	404.820	-8,1	759.778	-0,7	57,6	53,3
6402	Giày, dép khác có đế ngoài và mũ giày bằng cao su hoặc plastic	251.525	-10,9	425.006	-9,9	59,8	59,2
6403	Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp, và phần mũ giày làm bằng da thuộc	205.590	-26,0	859.423	-2,8	31,4	23,9
6201	Áo khoác ngoài dành cho nam hoặc trẻ em trai, áo khoác đi xe hơi, áo choàng, áo khoác dài, áo khoác gió, bao gồm cả áo khoác trượt tuyết, áo khoác chống gió	67.311	22,9	310.939	19,5	21,0	21,6
6202	Áo khoác ngoài dành cho nữ hoặc bé gái, áo khoác đi xe hơi, áo choàng, áo khoác dài, áo khoác gió, bao gồm cả áo khoác trượt tuyết, áo khoác chống gió, ...	51.599	50,9	319.540	28,7	13,8	16,1
6406	Các bộ phận của giày dép, bao gồm cả phần thân trên (có hoặc không gắn liền với đế) ngoại trừ đế ngoài; có thể tháo rời...	33.449	-25,7	92.055	-6,7	45,6	36,3

Mã HS	Mô tả	Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Trung Quốc		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		Kim ngạch (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Kim ngạch (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Quý 1/2025 (%)	Quý 1/2026 (%)
6505	Mũ và các loại mũ đội đầu khác, được đan hoặc móc, hoặc làm từ ren, nỉ hoặc các loại vải khác...	29.206	22,9	76.325	19,3	37,2	38,3
6102	Áo khoác ngoài dành cho nữ hoặc bé gái, áo khoác đi xe hơi, áo choàng, áo khoác dài, áo khoác gió, bao gồm cả áo khoác trượt tuyết, áo khoác chống gió, ...	5.670	359,1	27.970	49,4	6,6	20,3
6405	Giày dép có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa, phần trên không phải là cao su, nhựa, da...	4.634	100,1	19.829	77,6	20,7	23,4
6101	Áo khoác ngoài dành cho nam hoặc trẻ em trai, áo khoác đi xe hơi, áo choàng, áo khoác dài, áo khoác gió, bao gồm cả áo khoác trượt tuyết, áo khoác chống gió, ...	3.013	-7,7	20.107	30,2	21,1	15,0
6506	Mũ đội đầu, dù có lót hay viền, không được phân loại ở nơi khác.	2.372	61,6	29.529	35,8	6,8	8,0
620333	Áo khoác và áo vest nam hoặc trẻ em làm từ sợi tổng hợp (không bao gồm hàng dệt kim hoặc móc, và áo khoác gió...).	2.210	27,3	8.154	-14,5	18,2	27,1
940161	Ghế bọc nệm, khung gỗ (không bao gồm loại có thể chuyển đổi thành giường)	1.482	6,3	60.432	4,1	2,4	2,5
620339	Áo khoác và áo vest nam hoặc trẻ em làm từ chất liệu dệt (không bao gồm len, lông thú mịn, cotton...).	1.464	146,1	12.219	7,8	5,3	12,0
620332	Áo khoác và áo vest nam hoặc trẻ em bằng vải cotton (không bao gồm loại dệt kim hoặc móc, và áo khoác gió...).	705	3,1	18.954	-18,3	2,9	3,7

Mã HS	Mô tả	Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Trung Quốc		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		Kim ngạch (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Kim ngạch (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Quý 1/2025 (%)	Quý 1/2026 (%)
940171	Ghế bọc nệm, có khung kim loại (không bao gồm ghế máy bay hoặc xe cơ giới, ghế xoay...).	563	-6,9	31.537	6,1	2,0	1,8
940421	Nệm làm từ cao su xốp hoặc nhựa, có hoặc không có vỏ bọc.	405	-25,0	7.152	-28,1	5,4	5,7
6301	Chăn và thảm du lịch làm từ mọi loại chất liệu dệt (không bao gồm khăn trải bàn, ga trải giường...).	254	-47,5	6.534	-10,9	6,6	3,9
940429	Nệm, có lò xo hoặc được nhồi bông hoặc lấp đầy bên trong bằng bất kỳ vật liệu nào (ngoại trừ loại xốp...).	92	-19,3	30.727	59,5	0,6	0,3
620331	Áo khoác và áo vest nam hoặc trẻ em làm bằng len hoặc lông động vật cao cấp (không bao gồm loại đan hoặc móc, ...)	27	-47,1	15.570	-1,9	0,3	0,2
621210	Áo ngực làm từ mọi loại chất liệu dệt	32.028	13,1	46.280	11,2	68,0	69,2
621230	Áo nịt ngực làm từ mọi loại chất liệu dệt, có hoặc không có độ co giãn	48		124		14,1	38,7

Nguồn: ITC

Để giúp doanh nghiệp chủ động đáp ứng quy định mới này của Trung Quốc, dưới đây là những nội dung cơ bản Tiêu chuẩn sản phẩm quốc gia GB 18383-2025 - Yêu cầu kỹ thuật chung đối với các sản phẩm có chất vật liệu độn của Trung Quốc. GB 18383-2025 đưa ra các định nghĩa mới, cụ thể:

Các thuật ngữ và định nghĩa của tiêu chuẩn gồm:

- *Vật liệu độn*: Thuật ngữ chung dùng để chỉ các loại sợi tự nhiên, sợi hóa học và hỗn hợp của chúng được sử dụng để độn và lót.

- *Sản phẩm có chứa chất độn*: Sản phẩm sử dụng sợi độn và các sản phẩm chế biến từ chúng như tấm bông và nỉ làm vật liệu độn hoặc lót.

Lưu ý: Sản phẩm có vật liệu độn được chia thành vật liệu độn gia dụng và vật liệu độn không dùng trong gia dụng.

Các sản phẩm sử dụng vật liệu độn và các sản phẩm được chế biến thành bông, nỉ... để nhồi và lót. Có thể chia thành sản phẩm sử dụng hàng ngày có vật liệu độn và sản phẩm không sử dụng hàng ngày có vật liệu độn.

- Các sản phẩm sử dụng hàng ngày có chứa chất độn: Các sản phẩm có chất liệu nhồi tiếp xúc trực tiếp với cơ thể người trong sinh hoạt hàng ngày, chủ yếu bao gồm quần áo và giày dép như quần áo giữ ấm, áo khoác lông vũ, quần áo có lớp lót, giày có lớp lót và mũ có lớp lót; đồ dùng giường ngủ như chăn, nệm, gối và đệm; đồ nội thất bọc nệm như nệm, ghế sofa và đệm ngồi hoặc đệm nằm; và đồ chơi như thú nhồi bông.

- Các sản phẩm không dùng hàng ngày có chứa chất độn: Các sản phẩm có chứa vật liệu độn, không bao gồm các sản phẩm dùng trong sinh hoạt hàng ngày, chủ yếu bao gồm vật liệu cách nhiệt cho công trình xây dựng, vật liệu cách nhiệt nông nghiệp, vật liệu đóng gói vận chuyển, vật liệu trang trí, vật liệu cách âm xây dựng, v.v.

Yêu cầu: Các yêu cầu phải tuân thủ điều khoản 4 và điều khoản 6 của GB 18383-2025.

Một số yêu cầu cụ thể như sau:

Khi sợi dùng để làm bông trong các sản phẩm bông gia dụng (không bao gồm tấm bông và nỉ dùng để bọc đồ nội thất mềm) chỉ chứa một loại sợi (không bao gồm lông vũ và lông tơ), thì dung sai hàm lượng sợi của chất độn là 0.

Khi nó chứa hai hoặc nhiều loại sợi, thì dung sai hàm lượng sợi của chất độn là 10%.

Khi hàm lượng sợi của một loại chất độn nhất định không lớn hơn 20%, thì dung sai hàm lượng sợi là 5%.

Khi hàm lượng sợi của một loại vật liệu nhồi nhất định không lớn hơn 5%, hàm lượng thực tế không được bằng 0.

Lưu ý: Do sự khác biệt về hình thái của sợi cashmere, cashmere có thể có vẻ ngoài "giống len". Các sản phẩm cashmere được dán nhãn "100% cashmere", "cashmere nguyên chất" hoặc "hoàn toàn cashmere" phải có hàm lượng

cashmere $\geq 95\%$ và len giả $\leq 5\%$; trong các sản phẩm cashmere pha trộn, len giả không được vượt quá 5% giá trị cashmere danh nghĩa; một số sản phẩm len có thể chứa cashmere.

Hàm lượng clo dư tự do trong vật liệu nhồi và đệm của đồ nội thất bọc và các sản phẩm khác đáp ứng yêu cầu không được vượt quá 10 mg/kg.

Yêu cầu về chỉ số vệ sinh:

1. Vi khuẩn *Pseudomonas aeruginosa*, tụ cầu vàng *Staphylococcus aureus* và liên cầu khuẩn tan máu: Không phát hiện

2. Bọ chét, ve, rệp giường và các loài chân đốt khác có thể truyền bệnh và gây hại cho sức khỏe, cũng như trứng của chúng và ấu trùng gián - Không phát hiện

3. Phân của côn trùng, chim, động vật gặm nhấm... hoặc các chất mất vệ sinh khác - Không phát hiện

4. Mùi : Không có

5. Vi khuẩn Coliform: | a (MPN/g) - Không phát hiện (Loại A); ≤ 100 (Loại B); còn lại là Loại C).

6. | Tổng số vi khuẩn | a (CFU/g) | a (Loại A) | c | ≤ 104 (Loại A) | c | ≤ 105 (Loại B) | c | ≤ 106 (Loại C) | c

7. Tổng số lượng nấm | a (CFU/g) | a (Loại A) | c | ≤ 100 (Loại B) | c | ≤ 200 (Loại C) | c Các sản phẩm chứa 100% lông vũ và lông tơ đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và ngành được miễn đánh giá.

b. Mùi bao gồm mùi mốc, mùi dầu mỡ có điểm sôi cao, mùi tanh, mùi hydrocarbon thơm, mùi xơ động vật và mùi hôi thịt thú rừng.

- Các yêu cầu khác: Các yêu cầu an toàn khác đối với các sản phẩm xơ dùng làm chất độn phải được thực hiện theo các tiêu chuẩn và quy định bắt buộc của quốc gia có liên quan.

+ Phương pháp kiểm tra

- Kiểm tra cảm quan: Việc kiểm tra cảm quan phải được tiến hành dưới ánh sáng tự nhiên hoặc ánh sáng huỳnh quang hướng về phía bắc, với độ chiếu

sáng không dưới 600 lx trên bàn kiểm tra và khoảng cách khoảng 60 cm giữa người kiểm tra và bề mặt bàn.

Mỗi mẫu phải được kiểm tra bằng mắt thường về bụi bẩn, sợi thừa hoặc mảnh vụn, và về bất kỳ sự bất thường nào như sợi bị đổi màu, xỉn màu hoặc thiếu độ bóng trong vật liệu độn hoặc vật liệu lót. Việc kiểm tra phải được thực hiện theo GB/T20223. Mỗi mẫu phải được kiểm tra bằng mắt thường về các tạp chất như cỏ vụn, đất và phân.

Mỗi mẫu phải được kiểm tra bằng mắt thường xem có vết mốc hoặc nấm mốc hay không.

Mỗi mẫu phải được kiểm tra bằng mắt thường xem có tạp chất có hại như vật kim loại hoặc vật sắc nhọn, chẳng hạn như kim, dây hoặc que, và bất kỳ bụi bẩn nào có thể nhìn thấy được hay không.

Yêu cầu kiểm tra bằng mắt thường mỗi mẫu xem có bọt chết, ve, rệp và các loài chân đốt khác có thể truyền bệnh hoặc gây hại cho sức khỏe, cũng như trứng côn trùng và vỏ trứng gián hay không.

Yêu cầu kiểm tra bằng mắt thường mỗi mẫu xem có phân côn trùng, chim, động vật gặm nhấm hoặc các chất không hợp vệ sinh khác hay không.

Đối với các sản phẩm sợi không dùng trong gia dụng, tên và địa chỉ của nhà sản xuất phải được ghi rõ trên mỗi sản phẩm; Nhãn dán bền chắc với cảnh báo "Không phải hàng gia dụng" cũng phải được hiển thị rõ ràng.

Kích thước phông chữ của cảnh báo không được nhỏ hơn kích thước phông chữ lớn nhất trong số các văn bản giải thích khác trên sản phẩm; nếu không có văn bản giải thích nào khác, kích thước phông chữ của cảnh báo không được nhỏ hơn kích thước phông chữ tiêu chuẩn; màu sắc của văn bản cảnh báo phải khác biệt rõ ràng với màu nền và dễ nhìn thấy.

+ Quy tắc lấy mẫu và đánh giá:

Quy tắc lấy mẫu đối với sợi bông: Việc lấy mẫu phải mang tính đại diện, và nên sử dụng nhiều điểm lấy mẫu ngẫu nhiên. Đối với sợi bông dạng khối, lấy mẫu 0,1% trọng lượng, nhưng không ít hơn 1 kg; đối với sợi bông đóng gói: lấy mẫu 1 gói trong mỗi 10 gói, hoặc nhiều hơn 10 gói, với mỗi gói chứa ít nhất 300g. Tổng lượng mẫu phải đáp ứng yêu cầu về lượng thử nghiệm tối thiểu.

+ Quy tắc lấy mẫu đối với sản phẩm dạng sợi: Sản phẩm dạng sợi được làm từ cùng một nguyên liệu thô tạo thành một lô. Đối với lô ≤ 1000 sản phẩm, phải lấy mẫu ngẫu nhiên ít nhất 3 sản phẩm; đối với lô từ 1000 đến 5000 sản phẩm, phải lấy mẫu ngẫu nhiên ít nhất 5 sản phẩm; đối với lô trên 5000 sản phẩm, cứ mỗi 5000 sản phẩm tăng thêm (ít hơn 5000 sản phẩm được tính là 5000 sản phẩm), phải lấy mẫu ngẫu nhiên thêm ít nhất 2 sản phẩm.

Việc lấy mẫu các sản phẩm dạng sợi như bông gòn và nilon phải dựa trên số lượng thử nghiệm tối thiểu. Sản phẩm dạng sợi dùng để kiểm tra chỉ tiêu vệ sinh phải được lấy mẫu riêng biệt, mỗi mẫu có trọng lượng không dưới 70g. Chúng phải được niêm phong trong các túi đóng gói riêng biệt, và bao bì không được bị rách hoặc mở trước khi thử nghiệm.

+ Đánh giá lô hàng: Nếu tất cả các sản phẩm được lấy mẫu đều đáp ứng các yêu cầu của Chương 4 và Chương 6, lô hàng được coi là đạt tiêu chuẩn.

+ Các đánh giá khác: Nếu sản phẩm bông gòn không có nhãn "không phải nhu yếu phẩm hàng ngày", chúng sẽ được kiểm tra và đánh giá theo các yêu cầu đối với sản phẩm bông gòn gia dụng.

Tiêu chuẩn GB 18383-2025 lần đầu tiên đưa ra một khuôn khổ cụ thể cho vật liệu tái chế, phân biệt giữa sợi tái chế cơ học (thu được từ chất thải thông qua các quá trình vật lý) và sợi tái chế hóa học (thu được từ các sản phẩm hết hạn sử dụng thông qua quá trình nấu chảy hoặc tái tạo hóa học). Trong đó, nghĩa vụ của các công ty sử dụng sợi tái chế: Bắt buộc phải ghi rõ trên nhãn các nguyên liệu thô tái chế được sử dụng, với tên gọi cụ thể (ví dụ: “sợi tái chế cơ học”, “polyester tái chế”, “lụa tái chế”, “len tái chế”).

Theo nội dung mới, cấm sử dụng sợi tái chế nguy cơ cao như sợi y tế đã qua sử dụng, vật liệu bông tái chế từ đồ tang lễ và sợi tái chế không rõ nguồn gốc để sản xuất áo quần hoặc đồ dùng sợi cho trẻ sơ sinh, đồ mặc cho học sinh và đồ lót. Quy định cũng cấm dùng sợi tái chế từ polyester vòng đời cũ để sản xuất vật liệu lót, chăn ga gối cho đối tượng dưới 3 tuổi, nhằm hạn chế rủi ro hóa chất và an toàn vật lý.

Các nguyên liệu bị cấm sử dụng trong sản xuất hoặc tái chế sản phẩm sợi (Điều 7): (1) Chất thải sợi y tế; (2) Sản phẩm sợi đã qua sử dụng từ tang lễ; (3) Sản phẩm sợi từ các khu vực dịch bệnh truyền nhiễm mà tình trạng ô nhiễm

không thể xác minh; (4) Sản phẩm sợi phế thải bị cấm nhập khẩu bởi quốc gia, cũng như các loại sợi và sản phẩm sợi khác bị nhiễm độc tố hoặc chất có hại; (5) Các chất khác bị quốc gia cấm sử dụng trong chế biến và sản xuất sản phẩm sợi.

Các vật liệu bị cấm sử dụng làm nguyên liệu độn và lót (Điều 8):

- (1) Sợi bị nhiễm bẩn; (2) Vải sợi hoặc sợi tái chế đang chờ xử lý sau khi sử dụng; (3) Sợi bông thô có chiều dài kéo tay dưới 13mm; (4) Chất thải sợi, chất thải sản phẩm sợi hoặc sợi tái chế đã được tẩy trắng hoặc khử màu; (5) Sợi động vật chưa giặt; (6) Sợi bị mốc hoặc hư hỏng; (7) Các chất khác bị cấm sử dụng làm vật liệu độn hoặc lót trong các sản phẩm sợi dùng hàng ngày.

Chất thải sợi không bị nhiễm bẩn, phụ phẩm kéo sợi tơ tằm và sợi động vật đã giặt có thể được sử dụng làm vật liệu độn hoặc lót cho các sản phẩm dùng hàng ngày có vật liệu độn. Chất thải sản phẩm sợi không bị nhiễm bẩn hoặc sợi tái chế, sau khi được xử lý bằng quy trình khử trùng, có thể được sử dụng làm vật liệu độn hoặc lót cho các sản phẩm như đồ nội thất bọc nệm.

Cấm sử dụng sợi tái chế để sản xuất đồ lót và các sản phẩm sợi dành cho trẻ sơ sinh: Nghiêm cấm sử dụng sợi hóa học tái chế, ngoại trừ sợi polyester tái chế, làm chất độn và lớp đệm cho các sản phẩm dành cho trẻ sơ sinh có chứa sợi

Bản sửa đổi cũng yêu cầu rõ ràng hơn các tiêu chí nhãn mác và thành phần sợi: hàng dệt may cho trẻ em, lót ... phải chú thích đầy đủ hàm lượng sợi và phân loại an toàn, đồng thời bắt buộc trải qua kiểm định bởi tổ chức có thẩm quyền trước khi đưa ra thị trường. Việc sử dụng nguyên liệu tái chế trong sản phẩm cũng phải được thể hiện rõ trên nhãn mác để bảo vệ quyền lựa chọn và quyền biết của người tiêu dùng.

Thông tin trên sản phẩm phải trung thực và bao gồm các nội dung sau:

- (1) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng sản phẩm; (2) Tên và địa chỉ của nhà sản xuất; (3) Tên sản phẩm, thông số kỹ thuật và mã số sản phẩm; (4) Các nội dung khác do quốc gia quy định. Nếu có các quy định khác trong luật, quy chế và tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc, thì phải tuân theo.

- Các sản phẩm sợi làm từ vật liệu tái chế như sợi tái chế, sợi hóa học tái chế hoặc sợi động vật đã qua xử lý phải ghi rõ trên nhãn rằng các vật liệu được sử dụng bao gồm vật liệu tái chế;

- Đồng phục học sinh, đồ lót và các sản phẩm sợi dành cho trẻ sơ sinh phải được dán nhãn ghi rõ tên và thành phần sợi, cũng như loại an toàn;

- Các sản phẩm có chứa chất dòn không dùng hàng ngày phải có nhãn dán cố định ghi rõ "Không dùng cho sản phẩm hàng ngày".

Đặc biệt, Cơ quan Quản lý thị trường Quốc gia Trung Quốc công bố bản sửa đổi “Quy định Giám sát Chất lượng sản phẩm sợi”, định hướng tăng cường kiểm soát chất lượng đối với một số nhóm sản phẩm sợi quan trọng, trong đó tập trung vào hàng hóa dành cho trẻ sơ sinh – trẻ nhỏ và học sinh, để bảo đảm an toàn sản phẩm cho người tiêu dùng.

Các nhà cung cấp và nhà sản xuất nên tuân thủ tiêu chuẩn cập nhật bằng cách tăng cường kiểm soát nội bộ từ khâu lựa chọn nguyên liệu thô đến ghi nhãn sản phẩm.